

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DSPT

Ngày: 07/4/2021

*V/v: Tranh chấp hợp đồng gửi giữ
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Trần Văn Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung -Thư ký TAND tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 52/2021/TLPT- DS ngày 25/01/2021 về “Tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2020/DS-ST ngày 24/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện QV, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50/2021/QĐ-PT ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Việt H, huyện QV, tỉnh BN.

Do có kháng cáo của bị đơn Ông Nguyễn Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: Nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà và ông T là người cùng thôn. Ông T có làm dịch vụ kho lạnh gửi giữ bảo quản khoai tây giống cho bà con trong vùng nên nhiều năm nay bà đã gửi khoai tây giống tại kho nhà ông T. Đến tháng 2 và 3 năm 2019 sau khi thu hoạch khoai vụ xuân xong, bà có lựa chọn số khoai tốt để làm giống và mang đến kho nhà ông T để bảo quản. Khi mang khoai đến kho nhà ông T hai bên không tháo bao ra để xem khoai tốt xấu thế nào mà chỉ cân khoai để

tính trọng lượng sau đó ghi tên người gửi ngoài bao và ghi vào sổ theo dõi sau đó mang vào kho lạnh để bảo quản. Về thỏa thuận gửi giữ cụ thể như thế nào hai bên cũng không thỏa thuận cụ thể gì vì làm theo tập quán từ trước đến nay vẫn gửi là người gửi đem khoai đến gửi sau đó đến vụ trồng thì đến kho lấy đúng bao mình gửi rồi đem về trồng. Việc bảo quản trong kho như thế nào thì do ông T còn các gia đình gửi không biết. Việc gửi này đã thực hiện hơn 10 năm nay và các bên đều làm thế mà khoai giống đều không bị hỏng mà chỉ có tỷ lệ hao hụt một vài củ trong mỗi bao.

Vụ xuân năm 2019, bà có mang đến nhà ông T gửi 490kg khoai cũng với cách gửi như các năm trước. Giá gửi khoai là 2.400đ/kg, bà đã trả đủ ông T số tiền 1.176.000đ. Đến tháng 9 năm 2019, bà đến kho nhà ông T để lấy khoai về trồng. Khi đến lấy khoai bà cũng không kiểm tra chỉ đến khi mang về bà mới phát hiện số khoai giống của gia đình bà đã bị hỏng hoàn toàn không thể trồng được nữa. Số khoai bị hỏng có đặc điểm bên ngoài vẫn vàng không mọc nhưng khi cầm thì thấy củ cứng, rắn, cầm hai củ khoai gõ vào nhau thì kêu. Lấy dao bổ đôi khoảng 10 củ kiểm tra thì thấy mặt trong đen như bị bôi tro, có củ rỗng có củ không, nên bà đến nhà ông T, gặp vợ ông T là Bà D, bà có nói với Bà D là khoai gửi nhà chị bị đóng đá và đến hết. Bà D nói là: “Tại khoai nhà Thanh chứ không phải tại kho nhà tớ”. Khoảng 10 ngày sau thì Chị Th có đến nhà bà xem khoai và bổ thử thì đúng là đen và cứng như vậy. Chị Th có nói với bà rằng Thanh cứ an tâm, ông T sống không như người ta đâu, ông ấy biết lắm. Theo bà nguyên nhân khoai hỏng là do trong thời gian bảo quản khoai máy lạnh nhà ông T bị hỏng sau đó ông T có sửa chữa nhưng không đảm bảo chất lượng nên khoai giống mới bị hỏng như vậy nên bà chỉ yêu cầu ông T phải bồi thường khoảng 50% là được. Sau đó mấy ngày các bên hòa giải nhưng không thống nhất.

Sau khi khoai giống bị hỏng bà đã phải đi mua khoai giống ở ngoài là 250kg với giá 16.000đ/kg với số tiền 4.000.000đ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu ông T trả cho bà $\frac{1}{2}$ số tiền gửi khoai là $1.176.000đ : 2 = 588.000đ$ và bồi thường cho bà $\frac{1}{2}$ số khoai tây giống đã gửi 490kg : $2 \times 16.000đ/kg = 3.920.000đ$. Tổng số 4.508.000đ.

Nay bà khởi kiện và đề nghị Tòa án buộc ông T phải bồi thường cho bà số tiền 4.508.000đ.

Bị đơn là Ông Nguyễn Kim T trình bày: Ông xác nhận ông có làm dịch vụ kho lạnh để bảo quản khoai tây giống cho bà con trong vùng. Ông xác nhận sau khi thu hoạch khoai tây vụ xuân năm 2019 xong ông có nhận gửi của bà Thanh số khoai tây giống là 490kg theo như sổ sách ghi chép của gia đình ông. Ông đã thu của bà Thanh số tiền tương ứng với số khoai tây bà Thanh gửi với giá gửi giữ là 2.400đ/kg khoai tây.

Ông cũng xác nhận khoai giống vụ xuân năm 2019 của các hộ dân gửi tại kho nhà ông có bị hỏng nhưng số khoai hỏng không như các hộ dân trình bày mà chỉ hỏng một phần nào đó. Trong kho nhà ông có bảo quản cả khoai giống vụ Đông nhưng số khoai giống vụ Đông do chất lượng tốt nên không bị hỏng chỉ có khoai giống vụ Xuân do điều kiện thời tiết nên chất lượng khoai giống kém mới bị hỏng. Ngoài ra cùng là khoai giống vụ Xuân nhưng số củ của khoai to lại hỏng nhiều hơn củ khoai nhỏ. Vì củ khoai to có thời gian ở đồng nhiều hơn nên nhiễm nấm bệnh nhiều hơn. Nguyên nhân khoai giống hỏng là do các hộ đem gửi không đảm bảo chất lượng chứ không phải do kỹ thuật bảo quản kho lạnh nhà ông. Ông đã đem số mẫu khoai bị hỏng đi làm xét nghiệm tại Viện bảo vệ thực vật thì kết quả các mẫu vật bị hỏng là do nhiễm nấm gây hỏng củ chứ không phải do chất lượng bảo quản của kho lạnh. Ông thừa nhận trong quá trình bảo quản khoai máy lạnh trong kho có bị hỏng một thời gian nhưng đây không phải là nguyên nhân gây hỏng khoai giống như nguyên đơn đã trình bày. Bà Thanh khởi kiện yêu cầu ông bồi thường thiệt hại số tiền 4.508.000đ ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Châu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà nhất trí với lời trình bày của ông T. Bà đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Châu.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 147, 217, 227; điểm c khoản 2 Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 554; 555; 556; 557 và 558 bộ luật dân sự; nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu nộp quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án xử:

Đình chỉ ½ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th.

Buộc Ông Nguyễn Kim T và Bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho Bà Nguyễn Thị Th số tiền giá trị của một nửa số khoai tây giống đã gửi là: 3.920.000đ và phải trả cho bà Thanh một nửa số tiền gửi khoai giống mà bà Thanh đã trả là 588.000đ. Tổng cộng ông T, Bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà Thanh số tiền 4.508.000đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 06/10/2020, Ông Nguyễn Kim T có đơn kháng toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn; bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm xử về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Kim T nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Tháng 2 và tháng 3 năm 2019, Bà Nguyễn Thị Th có mang khoai tây giống đến nhà Ông Nguyễn Kim T, Bà Nguyễn Thị D để gửi tại kho lạnh. Khi gửi khoai tây cả bên gửi là bà Thanh và bên nhận gửi là ông T, Bà D đều không làm hợp đồng gửi giữ mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau, việc này các bên đều thừa nhận. Sau đó, do khoai tây mang đi gửi tại kho lạnh nhà ông T, Bà D bị hỏng nên bà Thanh khởi kiện ông T yêu cầu ông T bồi thường cho bà số tiền giá trị của một nửa số khoai tây giống đã gửi là: 3.920.000đ và phải trả cho bà Thanh một nửa số tiền gửi khoai giống mà bà Thanh đã trả là 588.000đ. Tổng cộng là 4.508.000đ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng gửi giữ tài sản là đúng quy định.

Xét kháng cáo của bị đơn là Ông Nguyễn Kim T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án của Tòa án cấp sơ thẩm thì thấy: Giữa ông T và bà Thanh tuy không có hợp đồng gửi giữ tài sản bằng văn bản nhưng giữa hai bên đều thừa nhận có việc gửi giữ khoai tây nên có thể khẳng định giữa ông T và bà Thanh có hợp đồng gửi giữ tài sản là khoai tây giống. Do khi gửi khoai tây tại nhà ông T cả bà Thanh và ông T chỉ thỏa thuận miệng với nhau về giá gửi mà không có thỏa thuận gì về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên. Chỉ đến tháng 9/2019, khi bà Thanh đến nhận lại khoai về trồng thì mới phát hiện toàn bộ số khoai tây bà Thanh gửi ông T bị hỏng. Khi gửi và khi lấy về cả phía ông T và bà Thanh đều không kiểm tra chất lượng khoai tây. Do đó, khi có thiệt hại xảy ra thì cả hai bên đều có lỗi, đồng thời, đều phải có trách nhiệm.

Phía nguyên đơn xác định toàn bộ số khoai tây giống đều được phía nguyên đơn lựa chọn như mọi năm tức là sau khi thu hoạch chọn những củ giống tốt, đóng bao và mang gửi tại kho nhà ông T. Còn điều kiện và cách thức bảo quản như thế nào do ông T tự chịu trách nhiệm. Phía bị đơn là ông T cho rằng lý do khoai tây gửi tại nhà ông hỏng là do số khoai tây này mang mầm bệnh từ trước, do đó ông không phải chịu trách nhiệm về số khoai tây bà Thanh gửi nhà ông bị hỏng. Bởi theo kết luận giám định của Viện bảo vệ thực vật Hà Nội thì số khoai tây bị hỏng là do

giống chứ không phải do bảo quản. Tuy nhiên, mẫu khoai tây mang đi giám định không phải là của bà Thanh. Nên không đủ căn cứ để khẳng định khoai tây nhà bà Thanh hỏng từ lúc để giống. Do đó, ông T phải chịu một phần trách nhiệm đối với số khoai tây hỏng của bà Thanh. Hơn nữa, phía ông T cũng thừa nhận việc máy lạnh trong kho bảo quản của gia đình ông bị hỏng một vài tiếng nhưng ông T cho rằng máy chỉ bị hỏng vài tiếng nên không ảnh hưởng đến chất lượng khoai tây. Tuy nhiên, lời trình bày của ông T chưa có cơ sở chính xác và không đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Do đó, có thể khẳng định việc khoai tây hỏng cũng một phần là do hệ thống làm lạnh của kho nhà ông T bị hỏng. Từ những phân tích trên có thể thấy việc để khoai tây bị hỏng có cả lỗi của phía nguyên đơn và cả lỗi của phía bị đơn. Lỗi của phía nguyên đơn là không kiểm tra cách thức bảo quản khoai tây, khi nhận lại khoai tây giống không kiểm tra ngay. Còn bị đơn có lỗi là khi máy lạnh của kho bảo quản hỏng không thông báo cho nguyên đơn, khi nhận khoai tây giống để bảo quản không kiểm tra chất lượng của khoai tây. Nên để xác định lỗi hoàn toàn thuộc về nguyên đơn hay bị đơn là không có cơ sở nên cần xác định lỗi của nguyên đơn và bị đơn là như nhau nên mỗi bên phải chịu trách nhiệm với $\frac{1}{2}$ số khoai tây hỏng. Do đó, bản án sơ thẩm xử buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn số tiền giá trị của $\frac{1}{2}$ số khoai tây giống đã gửi là: 3.920.000đ và phải trả cho bà Thanh $\frac{1}{2}$ số tiền gửi khoai giống mà bà Thanh đã trả là 588.000đ. Tổng cộng là 4.508.000đ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông T kháng cáo toàn bộ bản án nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên kháng cáo của ông T không có căn cứ chấp nhận nên cần bác toàn bộ kháng cáo của ông T.

[3.]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T là con trai của liệt sĩ Nguyễn Kim Tập nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì thuộc trường hợp miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông T là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm xử về phần án phí.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 554; 555; 556 và 561 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ $\frac{1}{2}$ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Th.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của Bà Nguyễn Thị Th.

Buộc Ông Nguyễn Kim T bà Bà Nguyễn Thị D phải bồi thường cho Bà Nguyễn Thị Th số tiền giá trị của $\frac{1}{2}$ số khoai tây giống đã gửi là: 3.920.000đ và $\frac{1}{2}$ số tiền gửi khoai giống là 588.000đ. Tổng cộng là 4.508.000đ. (Bốn triệu năm trăm linh tám ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí: Bà Nguyễn Thị Châu phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001039 ngày 03/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho Ông Nguyễn Kim T.

Hoàn trả Ông Nguyễn Kim T 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2020/0002379 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện QV;
- Chi cục THADS huyện QV;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Bình